

BA		
分區	代號	人數
大埔	TP	9
屯門	TM	9
何文田	HMT	6
沙田	ST	8
柴灣	CW	8
荃灣	TW	8
灣仔	WC	6
觀塘	KT	8
總數		62

男A賽事：2015.12.12(六) A-D 組打至8強階段；2015.12.13(日)進行所有未打賽事。

每小組首名出線

男A-A組	
1	許梓朗 TM
2	李頌 WC
3	何文力 KT
4	BYE
5	BYE

配對	場次	日期	時間	對賽		
2-3	BA-A1	12-Dec	16:20	李頌 WC	vs	何文力 KT
1-3	BA-A2	12-Dec	17:35	許梓朗 TM	vs	何文力 KT
1-2	BA-A3	12-Dec	19:15	許梓朗 TM	vs	李頌 WC
				BYE	vs	BYE
				BYE	vs	BYE
				BYE	vs	BYE

男A-B組	
1	許俊僖 ST
2	古弢 TP
3	陳鎮翹 TW
4	史澤佳 CW
5	BYE

配對	場次	日期	時間	對賽		
1-4	BA-B1	12-Dec	16:45	許俊僖 ST	vs	史澤佳 CW
2-3	BA-B2	12-Dec	16:45	古弢 TP	vs	陳鎮翹 TW
1-3	BA-B3	12-Dec	17:35	許俊僖 ST	vs	陳鎮翹 TW
2-4	BA-B4	12-Dec	17:35	古弢 TP	vs	史澤佳 CW
1-2	BA-B5	12-Dec	19:15	許俊僖 ST	vs	古弢 TP
3-4	BA-B6	12-Dec	19:15	陳鎮翹 TW	vs	史澤佳 CW

男A-C組	
1	龐澤鋒 HMT
2	謝子朗 TW
3	蔡穎豪 TM
4	李晉傑 WC
5	BYE

配對	場次	日期	時間	對賽		
1-4	BA-C1	12-Dec	16:45	龐澤鋒 HMT	vs	李晉傑 WC
2-3	BA-C2	12-Dec	17:10	謝子朗 TW	vs	蔡穎豪 TM
1-3	BA-C3	12-Dec	18:00	龐澤鋒 HMT	vs	蔡穎豪 TM
2-4	BA-C4	12-Dec	18:00	謝子朗 TW	vs	李晉傑 WC
1-2	BA-C5	12-Dec	19:40	龐澤鋒 HMT	vs	謝子朗 TW
3-4	BA-C6	12-Dec	19:40	蔡穎豪 TM	vs	李晉傑 WC

男A-D組	
1	劉冠鋒 CW
2	陳梓皓 TP
3	吳叡然 ST
4	方俊仁 KT
5	BYE

配對	場次	日期	時間	對賽		
1-4	BA-D1	12-Dec	17:10	劉冠鋒 CW	vs	方俊仁 KT
2-3	BA-D2	12-Dec	17:10	陳梓皓 TP	vs	吳叡然 ST
1-3	BA-D3	12-Dec	18:25	劉冠鋒 CW	vs	吳叡然 ST
2-4	BA-D4	12-Dec	18:25	陳梓皓 TP	vs	方俊仁 KT
1-2	BA-D5	12-Dec	20:05	劉冠鋒 CW	vs	陳梓皓 TP
3-4	BA-D6	12-Dec	20:05	吳叡然 ST	vs	方俊仁 KT

男A-E組	
1	陳浚瑄 CW
2	任樂謙 ST
3	陳君煒 TP
4	陳顯元 HMT
5	BYE

配對	場次	日期	時間	對賽		
1-4	BA-E1	13-Dec	09:15	陳浚瑄 CW	vs	陳顯元 HMT
2-3	BA-E2	13-Dec	09:15	任樂謙 ST	vs	陳君煒 TP
1-3	BA-E3	13-Dec	10:05	陳浚瑄 CW	vs	陳君煒 TP
2-4	BA-E4	13-Dec	10:05	任樂謙 ST	vs	陳顯元 HMT
1-2	BA-E5	13-Dec	10:55	陳浚瑄 CW	vs	任樂謙 ST
3-4	BA-E6	13-Dec	10:55	陳君煒 TP	vs	陳顯元 HMT

男A-F組	
1	羅俊堅 TM
2	李樺杰 KT
3	吳澤知 TP
4	鄺煒軒 TW
5	BYE

配對	場次	日期	時間	對賽		
1-4	BA-F1	13-Dec	09:15	羅俊堅 TM	vs	鄺煒軒 TW
2-3	BA-F2	13-Dec	09:15	李樺杰 KT	vs	吳澤知 TP
1-3	BA-F3	13-Dec	10:05	羅俊堅 TM	vs	吳澤知 TP
2-4	BA-F4	13-Dec	10:05	李樺杰 KT	vs	鄺煒軒 TW
1-2	BA-F5	13-Dec	10:55	羅俊堅 TM	vs	李樺杰 KT
3-4	BA-F6	13-Dec	10:55	吳澤知 TP	vs	鄺煒軒 TW

男A-G組	
1	利炳熙 KT
2	劉駿熙 CW
3	陳善匡 TP
4	劉智游 TW
5	BYE

配對	場次	日期	時間	對賽		
1-4	BA-G1	13-Dec	09:15	利炳熙 KT	vs	劉智游 TW
2-3	BA-G2	13-Dec	09:15	劉駿熙 CW	vs	陳善匡 TP
1-3	BA-G3	13-Dec	10:05	利炳熙 KT	vs	陳善匡 TP
2-4	BA-G4	13-Dec	10:05	劉駿熙 CW	vs	劉智游 TW
1-2	BA-G5	13-Dec	10:55	利炳熙 KT	vs	劉駿熙 CW
3-4	BA-G6	13-Dec	10:55	陳善匡 TP	vs	劉智游 TW

男A-H組	
1	程思朗 ST
2	王宏僖 WC
3	林穎聰 HMT
4	余柏安 TM
5	BYE

配對	場次	日期	時間	對賽		
1-4	BA-H1	13-Dec	09:15	程思朗 ST	vs	余柏安 TM
2-3	BA-H2	13-Dec	09:15	王宏僖 WC	vs	林穎聰 HMT
1-3	BA-H3	13-Dec	10:05	程思朗 ST	vs	林穎聰 HMT
2-4	BA-H4	13-Dec	10:05	王宏僖 WC	vs	余柏安 TM
1-2	BA-H5	13-Dec	11:20	程思朗 ST	vs	王宏僖 WC
3-4	BA-H6	13-Dec	11:20	林穎聰 HMT	vs	余柏安 TM

男A-J組	
1	伍浚熙 ST
2	安嘉澤 WC
3	劉樂軒 TW
4	梁柏浩 TP
5	BYE

配對	場次	日期	時間	對賽		
1-4	BA-J1	13-Dec	09:15	伍浚熙 ST	vs	梁柏浩 TP
2-3	BA-J2	13-Dec	09:15	安嘉澤 WC	vs	劉樂軒 TW
1-3	BA-J3	13-Dec	10:30	伍浚熙 ST	vs	劉樂軒 TW
2-4	BA-J4	13-Dec	10:30	安嘉澤 WC	vs	梁柏浩 TP
1-2	BA-J5	13-Dec	11:20	伍浚熙 ST	vs	安嘉澤 WC
3-4	BA-J6	13-Dec	11:20	劉樂軒 TW	vs	梁柏浩 TP

男A-K組	
1	李易論 CW
2	周銘恆 HMT
3	方樂生 TM
4	蘇泓諾 KT
5	BYE

配對	場次	日期	時間	對賽		
1-4	BA-K1	13-Dec	09:40	李易論 CW	vs	蘇泓諾 KT
2-3	BA-K2	13-Dec	09:40	周銘恆 HMT	vs	方樂生 TM
1-3	BA-K3	13-Dec	10:30	李易論 CW	vs	方樂生 TM
2-4	BA-K4	13-Dec	10:30	周銘恆 HMT	vs	蘇泓諾 KT
1-2	BA-K5	13-Dec	11:20	李易論 CW	vs	周銘恆 HMT
3-4	BA-K6	13-Dec	11:20	方樂生 TM	vs	蘇泓諾 KT

男A-L組	
1	聶梓峯 KT
2	王健豪 TM
3	宋朗曦 HMT
4	林卓言 TP
5	BYE

配對	場次	日期	時間	對賽		
1-4	BA-L1	13-Dec	09:40	聶梓峯 KT	vs	林卓言 TP
2-3	BA-L2	13-Dec	09:40	王健豪 TM	vs	宋朗曦 HMT
1-3	BA-L3	13-Dec	10:30	聶梓峯 KT	vs	宋朗曦 HMT
2-4	BA-L4	13-Dec	10:30	王健豪 TM	vs	林卓言 TP
1-2	BA-L5	13-Dec	11:20	聶梓峯 KT	vs	王健豪 TM
3-4	BA-L6	13-Dec	11:20	宋朗曦 HMT	vs	林卓言 TP

男A-M組	
1	張瑞謙 CW
2	冼冠廷 TM
3	單柏嵐 ST
4	李雋軒 TW
5	BYE

配對	場次	日期	時間	對賽		
1-4	BA-M1	13-Dec	09:40	張瑞謙 CW	vs	李雋軒 TW
2-3	BA-M2	13-Dec	09:40	冼冠廷 TM	vs	單柏嵐 ST
1-3	BA-M3	13-Dec	10:30	張瑞謙 CW	vs	單柏嵐 ST
2-4	BA-M4	13-Dec	10:30	冼冠廷 TM	vs	李雋軒 TW
1-2	BA-M5	13-Dec	11:20	張瑞謙 CW	vs	冼冠廷 TM
3-4	BA-M6	13-Dec	11:20	單柏嵐 ST	vs	李雋軒 TW

男A-N組	
1	陳家樂 CW
2	林誠至 ST
3	盧冠豪 HMT
4	陳陽 TP
5	BYE

配對	場次	日期	時間	對賽		
1-4	BA-N1	13-Dec	09:40	陳家樂 CW	vs	陳陽 TP
2-3	BA-N2	13-Dec	09:40	林誠至 ST	vs	盧冠豪 HMT
1-3	BA-N3	13-Dec	10:30	陳家樂 CW	vs	盧冠豪 HMT
2-4	BA-N4	13-Dec	10:30	林誠至 ST	vs	陳陽 TP
1-2	BA-N5	13-Dec	11:45	陳家樂 CW	vs	林誠至 ST
3-4	BA-N6	13-Dec	11:45	盧冠豪 HMT	vs	陳陽 TP

男A-P組	
1	李博華 TM
2	楊家軒 WC
3	薛聖熹 KT
4	李達謙 TW
5	BYE

配對	場次	日期	時間	對賽		
1-4	BA-P1	13-Dec	09:40	李博華 TM	vs	李達謙 TW
2-3	BA-P2	13-Dec	09:40	楊家軒 WC	vs	薛聖熹 KT
1-3	BA-P3	13-Dec	10:55	李博華 TM	vs	薛聖熹 KT
2-4	BA-P4	13-Dec	10:55	楊家軒 WC	vs	李達謙 TW
1-2	BA-P5	13-Dec	11:45	李博華 TM	vs	楊家軒 WC
3-4	BA-P6	13-Dec	11:45	薛聖熹 KT	vs	李達謙 TW

男A-Q組	
1	歐諾庭 WC
2	陸健莉 KT
3	李皓賢 ST
4	羅健銘 TW
5	BYE

配對	場次	日期	時間	對賽		
1-4	BA-Q1	13-Dec	10:05	歐諾庭 WC	vs	羅健銘 TW
2-3	BA-Q2	13-Dec	10:05	陸健莉 KT	vs	李皓賢 ST
1-3	BA-Q3	13-Dec	10:55	歐諾庭 WC	vs	李皓賢 ST
2-4	BA-Q4	13-Dec	10:55	陸健莉 KT	vs	羅健銘 TW
1-2	BA-Q5	13-Dec	11:45	歐諾庭 WC	vs	陸健莉 KT
3-4	BA-Q6	13-Dec	11:45	李皓賢 ST	vs	羅健銘 TW

男A-R組	
1	曾漳皓 CW
2	莫明栩 TP
3	黃學錦 TM
4	BYE
5	BYE

配對	場次	日期	時間	對賽		
2-3	BA-R1	13-Dec	10:05	莫明栩 TP	vs	黃學錦 TM
1-3	BA-R2	13-Dec	10:55	曾漳皓 CW	vs	黃學錦 TM
1-2	BA-R3	13-Dec	11:45	曾漳皓 CW	vs	莫明栩 TP
				BYE	vs	BYE
				BYE	vs	BYE
				BYE	vs	BYE